

Bản án số: 674/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân
2. Bà Nguyễn Thị Như Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987; địa chỉ: xxx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1968; địa chỉ: xxx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L kết hôn, chung sống với ông Trần Thanh P, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 10 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyền số 1 cấp ngày 20/5/2011. Bà L xác nhận thời gian đầu sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi bà L sinh con thì giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống khác biệt nhau dẫn đến thường xuyên tranh cãi nhau. Ông P có tính tình gia trưởng, hay nhậu nhẹt dẫn đến mất khả năng điều khiển hành vi bản thân, gây mâu thuẫn với bà L và gia đình bà. Ông P hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên gây sự với bà. Bà L đã cố gắng hàn

gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con cái nhưng không được. Bà L xác nhận bà và ông P đã sống ly thân, không còn chung sống với nhau từ hơn nhiều tháng nay. Bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Vợ chồng bà L, ông P có với nhau một con chung là Trần Thanh H (nam, sinh ngày 10/9/2014). Bà L xác định từ trước đến nay trẻ H đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và khi bà bận công việc thì do ông bà ngoại trông giữ. Ông P không quan tâm chăm sóc cho con. Vì vậy nếu ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà L không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L khai vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L khai vợ chồng không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trần Thanh P xác nhận ông P và bà L chung sống có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà L. Ông Trần Thanh P thừa nhận vài tháng gần đây giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng về tình cảm. Ông Trần Thanh P thừa nhận có cách cư xử chưa khéo dẫn đến việc bà L hiểu lầm là ông là người thờ ơ không lo lắng cho vợ con. Ông P khai rằng bà L không có thái độ lễ phép với cha mẹ của ông P. Bà L đã tự ý dẫn con bỏ đi thuê nhà sống riêng. Ông Trần Thanh P khai là nghi ngờ bà L có mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân. Ông Trần Thanh P thừa nhận có một số hành vi chưa đúng nhưng cam kết sẽ thay đổi tính tình để cùng với bà L xây dựng lại cuộc sống vợ chồng. Ông Trần Thanh P đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ.

Về con chung: Ông P xác nhận giữa ông và bà L có với nhau 01 con chung là Trần Thanh H (nam, sinh ngày 10/9/2014). Ông Trần Thanh P thừa nhận bà L là mẹ nên có điều kiện nuôi con tốt hơn ông. Nếu bà L cương quyết xin ly hôn thì ông P đồng ý giao trẻ H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do ông P không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc cho con.

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh P khai vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Trần Thanh P khai vợ chồng không có nợ nần ai.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh P. Ông Trần Thanh P vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện đối với và ông Trần Thanh P yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn; ông Trần Thanh P cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn :

Bị đơn – ông Trần Thanh P cư trú tại số nhà xxx Ông Ích Khiêm, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa 31/10/2018 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Trúc L:

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Trần Thanh P là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên có quan điểm sống khác biệt nhau. Ông P có tính tình gia trưởng, hay nhậu nhẹt dẫn đến mất khả năng điều khiển hành vi bản thân, hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên gây sự với bà. Bà L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng lo cho con cái nhưng không được. Hai bên đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Lời khai nêu trên của bà L đã được ông P xác nhận là đúng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để hòa giải nhưng bị đơn là ông Trần Thanh P không đến. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn; ông P không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải thể hiện ông P không có thái độ tích cực muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung:

Vợ chồng bà L, ông P có với nhau một con chung là Trần Thanh H (nam, sinh ngày 10/9/2014). Bà L xác định từ trước đến nay trẻ H đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và khi bà bận công việc thì do ông bà ngoại trông giữ. Ông P không quan tâm chăm sóc cho con. Vì vậy nếu ly hôn, bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà L không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày

15/8/2018 ông P thừa nhận bà L nuôi con chung tốt hơn; ông P không phản đối việc giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, ông P thừa nhận bà L nuôi dưỡng con tốt hơn và không phản đối việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; đồng thời, trẻ H hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên tránh việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng làm thay đổi điều kiện, hoàn cảnh nuôi dưỡng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ Trần Thanh H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc L khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Trúc L khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Xét ý kiến của bị đơn – ông Trần Thanh P:

Về quan hệ hôn nhân:

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 31/7/2018 và ngày 15/8/2018, ông Trần Thanh P thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng về tình cảm. Ông Trần Thanh P thừa nhận có cách cư xử chưa khéo dẫn đến việc bà L hiểu lầm là ông là người thờ ơ không lo lắng cho vợ con. Ông P nhận xét bà L không có thái độ lễ phép với cha mẹ của ông P. Bà L đã tự ý dẫn con bỏ đi thuê nhà sống riêng. Ông Trần Thanh P nghi ngờ bà L có mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân. Ông Trần Thanh P thừa nhận có một số hành vi chưa đúng nhưng cam kết sẽ thay đổi tính tình để cùng với bà L xây dựng lại cuộc sống vợ chồng. Ông Trần Thanh P đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về chung sống đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến Tòa án để hòa giải vào ngày 07/9/2018 và ngày 12/10/2018 nhưng ông P không đến, thể hiện ông P không có ý chí muốn hòa giải, đoàn tụ với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh P về việc đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung:

Ông P xác nhận giữa ông và bà L có với nhau 01 con chung là Trần Thanh H (nam, sinh ngày 10/9/2014). Ông Trần Thanh P thừa nhận bà L là mẹ nên có điều kiện nuôi con tốt hơn ông. Nếu bà L cương quyết xin ly hôn thì ông P đồng ý giao trẻ H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do ông P không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc cho con. Hội đồng xét xử xét thấy bà L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông P thừa nhận việc bà L nuôi dưỡng con chung tốt; đồng thời, để tránh làm thay đổi điều kiện, môi trường sinh sống của trẻ H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc không đồng ý ly hôn để cùng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; giao trẻ H cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung:

Ông Trần Thanh P khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Ông Trần Thanh P khai vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Trần Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyền số 1 do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 10 cấp ngày 20/5/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Thanh H (nam, sinh ngày 10/9/2014); ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Trần Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Thanh P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Không có.

4. Về nợ chung và các vấn đề khác:

Không có.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008983 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Trúc L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường x, Quận 10;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng